**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

**NĂM HỌC: 2023 - 2024**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ 5 chữ | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 –**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Thơ | - Nhận biết PTBĐ  - Nhận biết được các BPTT  - Giải thích được nghĩa của từ  - Nhận biết về các kiểu câu  - Hiểu và viết đoạn văn  **Vận dụng**:  - Liên hệ được thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.  - Đánh giá được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản cụ thể. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ THI HKII**

**MÔN: NGỮ VĂN 7**

Thời gian làm bài: **90** phút

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

**NHỮNG ĐIỀU BÉ NHỎ**

|  |
| --- |
| *Những giọt nước bé nhỏ*  *Những hạt bụi đang bay*  *Đã làm nên biển lớn*  *Và cả trái đất này.*  *Cũng thế, giây và phút,*  *Ta tưởng ngắn, không dài,*  *Đã làm nên thế kỉ,*  *Quá khứ và tương lai*    *Những sai lầm nhỏ bé,*  *Ta tưởng chẳng là gì,*  *Tích lại là tai họa,*  *Làm ta chệch hướng đi.*  *Những điều tốt nhỏ nhặt;*  *Những lời nói yêu thương*  *Làm trái đất thành đẹp,*  *Đẹp như chốn thiên đường.”*  (Julia Abigail Fletcher Carney – Thái Bá Tân dịch từ tiếng Anh) |

**Lựa chọn đáp án đúng từ câu 1 đến câu 8 (mỗi câu trả lời đúng được 0, 5 điểm).**

**Câu 1:** Bài thơ trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

A. Tự sự B. Biểu cảm C. Nghị luận D. Miêu tả.

**Câu 2:** Những điều nhỏ bé nào đã được tác giả nhắc đến trong bài thơ?

A. Giọt nước, hạt bụi, giây – phút, sai lầm nhỏ.

B. Giọt nước, hạt bụi, sai lầm nhỏ, lời nói yêu thương

C. Giọt nước, hạt bụi, giây - phút, sai lầm nhỏ, điều tốt nhỏ nhặt.

D. Giọt nước, giây – phút, sai lầm nhỏ, điều tốt nhỏ nhặt.

**Câu 3:** Theo tác giả, mối quan hệ giữa những điều nhỏ bé và những điều lớn lao là gì?

A. Những điều nhỏ bé là những nguyên nhân dẫn đến những điều to lớn.

B. Những điều lớn lao không thể được tạo nên từ những điều nhỏ bé.

C. Những điều nhỏ bé làm ảnh hưởng tiêu cực đến những điều lớn lao.

D. Những điều nhỏ bé sẽ giúp chúng ta tạo nên những điều lớn lao.

**Câu 4:** Đâu là các cặp từ trái nghĩa được nhắc đến trong bài thơ?

A. Ngắn – dài; phút – giây B. Ngắn - dài; quá khứ - tương lai

C. Ngắn - dài D. quá khứ - tương lai.

**Câu 5:** Phép tu từ so sánh trong câu thơ *Đẹp như chốn thiên đường* có tác dụng gì?

A. Ý nghĩa đẹp đẽ những điều tốt đẹp trong cuộc sống.

B. Làm nổi bật vẻ đẹp của chốn thiên đường.

C. Những lời nói yêu thương làm đẹp trái đất.

D. Cả abc đều đúng

**Câu 6:** Từ *“chệch hướng”* trong bài thơ có nghĩa là gì?

A. Con tàu bạn đang lái bị mất phương hướng sang một ngã rẽ khác.

B. Suy nghĩ sai lầm, dù là nhỏ thôi cũng sẽ làm cuộc đời bạn mất phương hướng.

C. Những sai lầm nhỏ bé không thể làm thay đổi cuộc đời bạn.

D. Bạn lựa chọn sai hướng đi cho cuộc đời của mình.

**Câu 7:** Xét về mục đích nói, câu thơ: “*Những hạt bụi đang bay,/ đã làm nên biển lớn,/ và cả trái đất này* ” thuộc kiểu câu gì?

A. Câu ghép B. Câu trần thuật C. Câu nghi vấn D. Câu cầu khiến

**Câu 8:** Từ “*những*” trong bài thơ được dùng phép tu từ nào?

A. Liệt kê. B. So sánh C . Đảo ngữ D. Điệp ngữ

**Câu 9. ( 1,0 điểm)** Em có đồng ý với quan niệm của tác giả trong những câu thơ sau không? Vì sao?

**“** *Những sai lầm nhỏ bé,*

*Ta tưởng chẳng là gì,*

*Tích lại là tai họa,*

*Làm ta chệch hướng đi.”*

**Câu 10. (1,0 điểm):** Từ nội dung phần đọc hiểu, hãy viết đoạn văn 5-7 câu trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của những điều nhỏ bé trong cuộc sống.

**PHẦN II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**MÔN NGỮ VĂN 7**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu cần đạt** | **Điểm** |
| **PHẦN I: ĐỌC HIỂU** | | |
| 1 | B | 0,5 |
| 2 | C | 0,5 |
| 3 | A | 0,5 |
| 4 | B | 0,5 |
| 5 | B | 0,5 |
| 6 | B | 0,5 |
| 7 | B | 0,5 |
| 8 | D | 0,5 |
| 9  (1,0 điểm) | - HS thể hiện quan điểm của mình theo hướng đồng tình với quan điểm nhà thơ.  - Vì: Những sai lầm nhỏ bé nếu không sửa chữa khắc phục kịp thời thì lâu dần sẽ thành thói quen, tính cách xấu và là nguyên nhân của mọi tai họa. | 0,5  0,5 |
| 10  (1,0 điểm) | **-** Vấn đề cần nghị luận: **ý nghĩa cúa những điều nhỏ nhặt**  - **Giải thích**: Việc tốt nhỏ bé là những việc mà chúng ta thường xuyên thực hiện trong cuộc sống hàng ngày như một thói quen, một tính cách. Đó chính là văn hóa sống của mỗi người, mở rộng ra là văn hóa cộng đồng, xã hội...  **- Bàn luận**  - Mỗi chúng ta luôn có ý thức tự giác và làm những việc nhỏ bé hàng ngày với một thái độ tích cực, với tình yêu cuộc sống, yêu con người, say mê học tập và rèn luyện sẽ đem lại nhiều điều thú vị cho bản thân và những người xung quanh và góp phần xây dựng lối sống tốt đẹp, có ảnh hưởng tích cực đến gia đình, xã hội...  - Những việc nhỏ nhặt hàng ngày như biết quan tâm, giúp đỡ người khác, biết chia sẻ, lắng nghe, biết sống tự trọng, cầu tiến...sẽ tạo nên nhân cách sống của mỗi cá nhân, giá trị văn hóa cộng đồng và đó chính là cơ sở quan trọng nhất để cuộc  **- Bài học:**  + Những việc nhỏ hàng ngày có vai trò vô cùng quan trọng trong việc hình thành nhân cách, lối sống của mỗi người.  + Phải rèn luyện mình từ những việc nhỏ nhặt hàng ngày, những việc tốt nhỏ nhặt cũng chính là cơ sở để tạo nên cuộc sống tốt đẹp và thành công về sau này.  Khái quát: vấn đề nghị luận, liên hệ bản thân |  |
| **PHẦN II. LÀM VĂN ( 10,0 điểm)** | | |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: viết bài văn về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: | 1 |
|  | - Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận  - Triển khai các vấn đề nghị luận  - Thực trạng, nguyên nhân, hậu quả, giải pháp, bài học…  - Khẳng định lại ý kiến, nêu bài học nhận thức và phương hướng hành động. | 2 |
|  | *d. Sáng tạo*: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận. | 0,25 |
|  | *e. Chính tả, dùng từ, đặt câu:* Đảm bảo chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt. | 0,25 |

**MA TRẬN, ĐẶC TẢ ĐỀ THI HSG CẤP THÀNH PHỐ LỚP 8**

MÔN NGỮ VĂN 8

( Thời gian làm bài: 150 phút)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức động nhận thức** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **VD cao** | |
| **TN**  **KQ** | **TN**  **TL** | **TN**  **KQ** | **TN**  **TL** | **TN**  **KQ** | **TN**  **TL** | **TN**  **KQ** | **TN**  **TL** |
| **1**  **Đọc hiểu** | | 1. Văn bản truyện ( Ngoài CT SGK) | 5 | 0 | 3 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 50 |
| Tỉ lệ % | 12,5 | 0 | 7,5 | 10 | 0 | 20 | 0 | 0 |
| **2**  **Viết** | | 2. Bài văn nghị luận về tác phẩm truyện | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | 1 | 50 |
| Tỉ lệ % | 0 | | 0 | | 0 | | 50 | |
| **Tổng % điểm** | | | 50 | | | | 50 | | | | 100 |